

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư trụ sở cơ quan Thi hành án dân sự giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi và tỉnh Phú Yên”

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với Dự án “Đầu tư trụ sở cơ quan Thi hành án dân sự giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi và tỉnh Phú Yên” của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định tại Văn bản số 1538/CTHADS-VP ngày 21 tháng 10 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư trụ sở cơ quan Thi hành án dân sự giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi và tỉnh Phú Yên” (sau đây viết tắt là Dự án) của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định (sau đây viết tắt là Chủ dự án) thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi và tỉnh Phú Yên với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Đỗ Đức Duy (để báo cáo);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định;
- UBND các tỉnh: Bình Định, Quảng Ngãi, Phú Yên;
- Sở TN&MT các tỉnh: Bình Định, Quảng Ngãi, Phú Yên;
- Lưu: VT, VPMC, MT.B.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Lê Công Thành**

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“ĐẦU TƯ TRỤ SỞ CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ GIAI ĐOẠN
2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH, QUẢNG NGÃI
VÀ TỈNH PHÚ YÊN”**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Đầu tư trụ sở cơ quan Thi hành án dân sự giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi và tỉnh Phú Yên.

+ Quyết định số 938/QĐ-BTP ngày 03/6/2021 của Bộ Tư pháp về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư trụ sở cơ quan Thi hành án dân sự giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi và tỉnh Phú Yên;

+ Quyết định số 745/QĐ-BTP ngày 18/5/2023 của Bộ Tư pháp về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư trụ sở cơ quan Thi hành án dân sự giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi và tỉnh Phú Yên”.

- Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi và tỉnh Phú Yên.

- Chủ dự án: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

+ Mã số thuế: 4100290162

+ Địa chỉ liên hệ: Số 21 đường Nguyễn Văn, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

1.2.1. Mục tiêu, quy mô của Dự án

- Đảm bảo cơ sở vật chất cho cơ quan Thi hành án dân sự (THADS) địa phương theo Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 và Kết luận số 84-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị. Mục tiêu đầu tư cụ thể như sau:

+ Xây dựng trụ sở Chi cục THADS thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

+ Xây dựng trụ sở Chi cục THADS thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

+ Xây dựng trụ sở Chi cục THADS huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

+ Xây dựng Kho vật chứng kết hợp cải tạo, sửa chữa trụ sở Chi cục THADS thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

+ Xây dựng Kho vật chứng kết hợp cải tạo, sửa chữa trụ sở Chi cục THADS huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Diện tích đất sử dụng của Dự án:
- + Xây dựng trụ sở Chi cục THADS thành phố Quy Nhơn: 1.217,75 m².
- + Xây dựng trụ sở Chi cục THADS thị xã An Nhơn: 1.600 m².
- + Xây dựng trụ sở Chi cục THADS huyện Tuy An: 1.575 m².
- + Xây dựng Kho vật chứng kết hợp cải tạo, sửa chữa trụ sở Chi cục THADS thị xã Hoài Nhơn: 2.709,9 m².
- + Xây dựng Kho vật chứng kết hợp cải tạo, sửa chữa trụ sở Chi cục THADS huyện Mộ Đức: 1.200 m².

1.2.2. Vị trí thực hiện

Tọa độ các điểm khếp góc ranh giới Dự án thực hiện như sau:

1.2.2.1. Chi cục THADS thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điểm góc	Tọa độ hệ VN2000, kinh tuyến 108 ⁰ 15', múi chiếu 3 ⁰	
	Tọa độ X (m)	Tọa độ Y (m)
R1	1525734,520	603093,328
R2	1525754,725	603097,825
R3	1525760,634	603094,146
R4	1525767,447	603063,750
R5	1525756,068	603046,920
R6	1525745,615	603044,574
R1	1525734,520	603093,328

1.2.2.2. Chi cục THADS thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định

Điểm góc	Tọa độ hệ VN2000, kinh tuyến 108 ⁰ 15', múi chiếu 3 ⁰	
	Tọa độ X (m)	Tọa độ Y (m)
R1	1537967,90	591983,84
R2	1537937,32	592009,93
R3	1537911,43	591978,94
R4	1537942,09	591953,25
R1	1537967,90	591983,84

1.2.2.3. Chi cục THADS huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên

Điểm góc	Tọa độ hệ VN2000, kinh tuyến 108 ⁰ 30', múi chiếu 3 ⁰	
	Tọa độ X (m)	Tọa độ Y (m)
R1	1470835,432	577480,978
R2	1470869,254	577451,296
R3	1470892,341	577477,602
R4	1470858,518	577507,285
R1	1470835,432	577480,978

1.2.2.4. Chi cục THADS thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định

Điểm góc	Tọa độ hệ VN2000, kinh tuyến 108 ⁰ 15', múi chiếu 3 ⁰	
	Tọa độ X (m)	Tọa độ Y (m)
1	1596834,01	581804,31

2	1596818,90	581785,60
3	1596751,04	581841,78
4	1596760,75	581864,29
1	1596834,01	581804,31

1.2.2.5. Chi cục THADS huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi

Điểm góc	Tọa độ hệ VN2000, kinh tuyến 108 ^{00'} , múi chiếu 3 ⁰	
	Tọa độ X (m)	Tọa độ Y (m)
M1	1654019,58	595270,69
M2	1654016,41	595240,86
M3	1653977,12	595248,38
M4	1653980,29	595278,21
M1	1654019,58	595270,69

1.2.3. Cơ cấu sử dụng đất của Dự án

1.2.3.1. Xây dựng trụ sở Chi cục THADS thành phố Quy Nhơn

- Tổng diện tích lô đất: 1.217,75 m².
- + Diện tích đất xây dựng: 313,7 m².
- + Diện tích Sân đường nội bộ: 657,55 m².
- + Diện tích đất cây xanh: 246,5 m².
- Mật độ xây dựng: 25,8 %.

1.2.3.2. Xây dựng trụ sở Chi cục THADS thị xã An Nhơn

- Tổng diện tích lô đất: 1.600 m².
- + Diện tích đất xây dựng: 611,72 m².
- + Diện tích Sân đường nội bộ: 813,2 m².
- + Diện tích đất cây xanh: 175,08 m².
- Mật độ xây dựng: 38,23 %.

1.2.3.3. Xây dựng trụ sở Chi cục THADS huyện Tuy An

- Tổng diện tích lô đất: 1.575 m².
- + Diện tích đất xây dựng: 562 m².
- + Diện tích Sân đường nội bộ: 908 m².
- + Diện tích đất cây xanh: 105 m².
- Mật độ xây dựng: 35,68 %.

1.2.3.4. Xây dựng Kho vật chứng kết hợp cải tạo, sửa chữa trụ sở Chi cục THADS thị xã Hoài Nhơn

- Quy mô diện tích: 2.709,9 m².

- Quy mô dự án: Cải tạo sửa chữa nhà làm việc 03 tầng hiện trạng; Xây mới công trình Nhà kho vật chứng 01 tầng và các hạng mục phụ trợ khác (di dời

nhà để xe máy, xây mới nhà bảo vệ, tường rào, hệ thống thoát nước, sân đường).

1.2.3.5. Xây dựng Kho vật chứng kết hợp cải tạo, sửa chữa trụ sở Chi cục THADS huyện Mộ Đức

- Quy mô diện tích: 1.200 m².

- Quy mô dự án: Cải tạo sửa chữa nhà làm việc 02 tầng hiện trạng; Xây mới công trình Nhà kho vật chứng 02 tầng và các hạng mục phụ trợ khác (cải tạo, sửa chữa nhà bảo vệ, tường rào, hệ thống thoát nước, sân đường).

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình của Dự án

1.3.1.1. Xây dựng trụ sở Chi cục THADS thành phố Quy Nhơn

TT	Tên các hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Số tầng	Tổng diện tích sàn	Ghi chú
1	Nhà làm việc 04 tầng kết hợp nhà xe	301,7	04	1.132,8	Xây mới
2	Nhà bảo vệ	12	01	12	Xây mới
3	Cổng chính	-	-	-	Xây mới
4	Đất sân, đường nội bộ	657,55	-	-	Xây mới
5	Đất cây xanh cảnh quan	246,5	-	-	Xây mới

1.3.1.2. Xây dựng trụ sở Chi cục THADS thị xã An Nhơn

TT	Tên các hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Số tầng	Tổng diện tích sàn	Ghi chú
1	Nhà làm việc 03 tầng	243	03	701	Xây mới
2	Kho vật chứng	280	01	280	Xây mới
3	Nhà để xe máy	45	01	45	Xây mới
4	Nhà để xe ô tô	28,6	01	28,6	Xây mới
5	Nhà bảo vệ	15,12	01	15,12	Xây mới
6	Cổng chính	-	-	-	Xây mới
7	Đất sân, đường nội bộ	813,2	-	-	Xây mới
8	Đất cây xanh cảnh quan	175,08	-	-	Xây mới

1.3.1.3. Xây dựng trụ sở Chi cục THADS huyện Tuy An

TT	Tên các hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Số tầng	Tổng diện tích sàn	Ghi chú
1	Nhà làm việc 03 tầng	211	03	610	Xây mới
2	Kho vật chứng	270	01	270	Xây mới
3	Nhà để xe máy	45	01	45	Xây mới
4	Nhà để xe ô tô	24	01	24	Xây mới
5	Nhà bảo vệ	12	01	12	Xây mới
6	Cổng chính	-	-	-	Xây mới
7	Đất sân, đường nội bộ	908	-	-	Xây mới
8	Đất cây xanh cảnh quan	105	-	-	Xây mới

1.3.1.4. Xây dựng Kho vật chứng kết hợp cải tạo, sửa chữa trụ sở Chi cục THADS thị xã Hoài Nhơn

TT	Tên các hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Số tầng	Tổng diện tích sàn	Ghi chú
1	Nhà làm việc 03 tầng hiện trạng	307,5	03	903,5	Cải tạo
2	Nhà bảo vệ	12	01	12	Xây mới
3	Nhà để xe khách	45	01	45	Đã có
4	Nhà để xe nhân viên	50	01	50	Di dời
5	Kho vật chứng 01 tầng	258	01	258	Xây mới
6	Cổng chính	-	-	-	Cải tạo
7	Đất sân, đường nội bộ	1.280	-	-	Cải tạo
8	Đất cây xanh cảnh quan	757,4	-	-	Cải tạo

1.3.1.5. Xây dựng Kho vật chứng kết hợp cải tạo, sửa chữa trụ sở Chi cục THADS huyện Mộ Đức

TT	Tên các hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Số tầng	Tổng diện tích sàn	Ghi chú
1	Nhà làm việc	206,7	02	413,4	Cải tạo
2	Thang bộ PCCC	12,19	02	24,38	Xây mới
3	Nhà để xe	27,8	01	27,8	Cải tạo
4	Nhà bảo vệ	14	01	14	Cải tạo
5	Kho vật chứng	135	02	270	Xây mới
6	Cổng chính	-	-	-	Cải tạo
7	Đất sân, đường nội bộ	700,1	-	-	Cải tạo
8	Đất cây xanh cảnh quan	104,21	-	-	Cải tạo

1.3.2. Hoạt động của Dự án

- Đối với giai đoạn thi công xây dựng:

+ Hoạt động thu hồi đất, giải phóng mặt bằng đối với hạng mục xây dựng mới Trụ sở Chi cục THADS thị xã An Nhơn và Trụ sở Chi cục THADS huyện Tuy An.

+ Hoạt động tháo dỡ các công trình cũ đối với hạng mục cải tạo kết hợp xây dựng trụ sở Chi cục THADS thị xã Hoài Nhơn và trụ sở Chi cục THADS huyện Mộ Đức.

+ Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu đến công trình xây dựng.

+ Hoạt động tập kết, bốc dỡ nguyên vật liệu xây dựng.

+ Hoạt động thi công các hạng mục công trình.

+ Hoạt động vận chuyển đổ thải.

+ Hoạt động của công nhân xây dựng.

- Đối với giai đoạn vận hành của Dự án:

+ Hoạt động làm việc, tiếp dân của cán bộ tại từng Trụ sở làm việc.

+ Hoạt động sinh hoạt của các cán bộ làm việc tại từng Trụ sở làm việc.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Yếu tố nhạy cảm về môi trường của Dự án: Theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây viết tắt là Nghị định số 08/2022/NĐ-CP), Dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường là yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ (LUC) với tổng diện tích đất trồng lúa cần chuyển đổi là 3.175 m² (trong đó Chi cục THADS thị xã An Nhơn là 1.600 m², Chi cục THADS huyện Tuy An là 1.575 m²).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động thi công xây dựng tại Dự án: Phát sinh nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ các thiết bị thi công.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu: Phát sinh bụi, khí thải tác động đến người dân sống dọc tuyến đường vận chuyển, nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển.

- Tác động không liên quan đến chất thải: Tiếng ồn, độ rung của quá trình thi công ảnh hưởng đến người dân xung quanh Dự án.

2.2. Giai đoạn vận hành

Hoạt động làm việc, tiếp dân của cán bộ tại từng Trụ sở làm việc và hoạt động sinh hoạt của các cán bộ làm việc tại từng Trụ sở làm việc phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

3.1.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt (NTSH) phát sinh từ hoạt động của người lao động tại 05 địa điểm thi công xây dựng khoảng 0,675 m³/ngày/địa điểm. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chất rắn lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅/COD), các chất dinh dưỡng (N,P) và vi sinh vật.

- Nước thải xây dựng (NTXD) từ khu vực xịt rửa bánh xe tại 05 địa điểm xây dựng khoảng 3,5 m³/ngày, cụ thể tại các công trường xây dựng như sau:

+ Chi cục THADS thành phố Quy Nhơn khoảng 0,5 m³/ngày.

+ Chi cục THADS thị xã An Nhơn khoảng 01 m³/ngày.

+ Chi cục THADS huyện Tuy An khoảng 01 m³/ngày.

+ Chi cục THADS thị xã Hoài Nhơn khoảng 0,5 m³/ngày.

+ Chi cục THADS huyện Mộ Đức khoảng 0,5 m³/ngày.

Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chất rắn lơ lửng, tổng dầu mỡ khoáng.

- Nước mưa chảy tràn cuốn trôi chất gây ô nhiễm trên bề mặt khu vực xây dựng vào nguồn tiếp nhận, lưu lượng nước mưa chảy tràn trên các công trường xây dựng ước tính khoảng:

- + Chi cục THADS thành phố Quy Nhơn khoảng 3,432 lít/s.
- + Chi cục THADS thị xã An Nhơn khoảng 3,718 lít/s.
- + Chi cục THADS huyện Tuy An khoảng 3,283 lít/s.
- + Chi cục THADS thị xã Hoài Nhơn khoảng 6,373 lít/s.
- + Chi cục THADS huyện Mộ Đức khoảng 2,168 lít/s.

Thông số ô nhiễm đặc trưng: Tổng chất rắn lơ lửng.

3.1.1.2. Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 3,125 m³/ngày đêm từ hoạt động sinh hoạt của các cán bộ 05 Chi cục THADS, trong đó:

- + Chi cục THADS thành phố Quy Nhơn khoảng 0,625 m³/ngày đêm.
- + Chi cục THADS thị xã An Nhơn khoảng 0,625 m³/ngày đêm.
- + Chi cục THADS huyện Tuy An khoảng 0,625 m³/ngày đêm.
- + Chi cục THADS thị xã Hoài Nhơn khoảng 0,625 m³/ngày đêm.
- + Chi cục THADS huyện Mộ Đức khoảng 0,625 m³/ngày đêm.

Thông số ô nhiễm đặc trưng: Tổng chất rắn lơ lửng, pH, BOD₅ (20°C), sunfua (tính theo H₂S), phosphat (tính theo P), nitrat (tính theo N), amoni (tính theo N), dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng coliforms.

- Nước mưa chảy tràn cuốn trôi chất gây ô nhiễm trên bề mặt vào nguồn tiếp nhận, ước tính khoảng:

- + Chi cục THADS thành phố Quy Nhơn khoảng 40,2 lít/s.
- + Chi cục THADS thị xã An Nhơn khoảng 52,88 lít/s.
- + Chi cục THADS huyện Tuy An khoảng 52,06 lít/s.
- + Chi cục THADS thị xã Hoài Nhơn khoảng 89,57 lít/s.
- + Chi cục THADS huyện Mộ Đức khoảng 39,66 lít/s.

Thông số ô nhiễm đặc trưng: Tổng chất rắn lơ lửng.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

3.1.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình; vận chuyển, lắp đặt các máy móc, thiết bị và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công phát sinh bụi và khí thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO_x, NO_x, SO₂, HC.

3.1.2.2. Giai đoạn vận hành

Bụi, khí thải, mùi phát sinh từ các khu vực lưu giữ chất thải, từ các hoạt động giao thông, vận chuyển. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO_x, NO_x, SO_x, CH₄, H₂S, VOC.

3.2. Chất thải rắn (CTR), chất thải nguy hại (CTNH)

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

3.2.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) của người lao động tại Dự án: Khối lượng phát sinh khoảng 4,5 kg/ngày/địa điểm xây dựng. Thành phần chủ yếu: Các loại bao bì đựng thực phẩm, thực phẩm thừa.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT) bao gồm:

** Vị trí xây dựng Trụ sở Chi cục THADS thành phố Quy Nhơn:*

+ Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng (bê tông, gạch đá vỡ, sắt thép vụn, cọc chống, ván khuôn, vỏ bao xi măng): 27 tấn.

+ Đất dư thừa từ đào móng công trình: 327,25 m³ (khoảng 441,79 tấn).

** Vị trí xây dựng Trụ sở Chi cục THADS thị xã An Nhơn:*

+ Thực bì thải bỏ từ quá trình phát quang, dọn dẹp mặt bằng: 480 kg.

+ Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng (bê tông, gạch đá vỡ, sắt thép vụn, cọc chống, ván khuôn, vỏ bao xi măng): 44,3 tấn.

+ Bùn, đất hữu cơ bóc tầng mặt: 586,5 m³.

+ Đất dư thừa từ đào móng công trình: 365,8 m³ (khoảng 493,82 tấn).

** Vị trí xây dựng Trụ sở Chi cục THADS huyện Tuy An:*

+ Thực bì thải bỏ từ quá trình phát quang, dọn dẹp mặt bằng: 472,5 kg.

+ Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng (bê tông, gạch đá vỡ, sắt thép vụn, cọc chống, ván khuôn, vỏ bao xi măng): 36,28 tấn.

+ Đất hữu cơ bóc tầng mặt: 354,2 m³

+ Đất dư thừa từ đào móng công trình: 349,74 m³ (khoảng 472,15 tấn).

** Vị trí xây dựng Kho vật chứng kết hợp cải tạo, sửa chữa trụ sở Chi cục THADS thị xã Hoài Nhơn:*

+ Phế thải phá dỡ, cải tạo các công trình: 111,59 m³ (khoảng 156,2 tấn).

+ Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng (bê tông, gạch đá vỡ, sắt thép vụn, cọc chống, ván khuôn, vỏ bao xi măng): 16,68 tấn.

+ Đất dư thừa từ đào móng công trình: 115,3 m³ (khoảng 155,66 tấn).

** Vị trí xây dựng Kho vật chứng kết hợp cải tạo, sửa chữa trụ sở Chi cục THADS huyện Mộ Đức:*

+ Phế thải phá dỡ, cải tạo các công trình: 123,36 m³ (khoảng 172,7 tấn).

+ Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng (bê tông, gạch đá vỡ, sắt thép vụn, cọc chống, ván khuôn, vỏ bao xi măng): 17,52 tấn.

+ Đất dư thừa từ đào móng công trình: 117,6 m³ (khoảng 158,76 tấn).

3.2.1.2. Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt của các cán bộ nhân viên làm việc tại 05 Trụ sở THADS với khối lượng phát sinh khoảng 29,75 kg/ngày. Trong đó:

- + Chi cục THADS thành phố Quy Nhơn khoảng 5,95 kg/ngày.
- + Chi cục THADS thị xã An Nhơn khoảng 5,95 kg/ngày.
- + Chi cục THADS huyện Tuy An khoảng 5,95 kg/ngày.
- + Chi cục THADS thị xã Hoài Nhơn khoảng 5,95 kg/ngày.
- + Chi cục THADS huyện Mộ Đức khoảng 5,95 kg/ngày.

Thành phần chủ yếu: Các loại bao bì đựng thực phẩm, vỏ chai nhựa, thực phẩm thừa.

- Bùn thải từ công trình xử lý nước thải của 05 Trụ sở THADS với tổng khối lượng phát sinh khoảng 6,5 m³/năm. Trong đó:

- + Chi cục THADS thành phố Quy Nhơn khoảng 1,3 m³/năm.
- + Chi cục THADS thị xã An Nhơn khoảng 1,3 m³/năm.
- + Chi cục THADS huyện Tuy An khoảng 1,3 m³/năm.
- + Chi cục THADS thị xã Hoài Nhơn khoảng 1,3 m³/năm.
- + Chi cục THADS huyện Mộ Đức khoảng 1,3 m³/năm.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH)

3.2.2.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng

CTNH phát sinh trong quá trình thi công, xây dựng tại 05 Trụ sở THADS với tổng khối lượng khoảng 732,6 kg trong cả quá trình thi công xây dựng. Trong đó:

- Chi cục THADS thành phố Quy Nhơn khoảng 160,2 kg.
- Chi cục THADS thị xã An Nhơn khoảng 178,2 kg.
- Chi cục THADS huyện Tuy An khoảng 178,2 kg.
- Chi cục THADS thị xã Hoài Nhơn khoảng 108,0 kg.
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức khoảng 108,0 kg.

Thành phần chủ yếu: Dầu mỡ thải bỏ, giẻ lau, găng tay, bao bì thải bỏ có dính dầu mỡ, pin, ắc quy hỏng, bóng đèn huỳnh quang thải.

3.2.2.2. Trong giai đoạn vận hành

CTNH phát sinh từ quá trình vận hành các công trình của Dự án với khối lượng khoảng 37,5 kg/năm (khoảng 7,5 kg/năm/Chi cục). Thành phần chủ yếu: Bóng đèn huỳnh quang thải, các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử, mực in, hộp mực in thải.

3.3. Tiếng ồn và độ rung

3.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện, thiết bị thi công xây dựng và phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, chất thải của Dự án.

3.3.2. Giai đoạn vận hành

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện giao thông ra vào các trụ sở Chi cục THADS.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi và khí thải

4.1.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

4.1.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt phát sinh trên 03 địa điểm xây mới (Chi cục THADS thành phố Quy Nhơn, Chi cục THADS thị xã An Nhơn, Chi cục THADS huyện Tuy An) được thu gom, xử lý sơ bộ tại 01 nhà vệ sinh di động/địa điểm. Định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → Nhà vệ sinh di động → Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh trên 02 địa điểm cải tạo, nâng cấp (Chi cục THADS thị xã Hoài Nhơn và Chi cục THADS huyện Mộ Đức) được thu gom, xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn dung tích 10 m³/bể hiện có. Nước thải sau xử lý thoát ra mương thoát nước chung của từng khu vực.

Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 03 ngăn → Mương thoát nước chung của từng khu vực.

- Nước thải thi công (nước xịt rửa bánh xe) được thu gom như sau: Tại mỗi khu vực nước thải được thu gom dẫn vào hố lắng là 4,2 m³ sau đó dẫn về hố ga 01 m³ để làm hố bơm, sau đó chủ dự án sẽ tận dụng nước để phun ẩm, giảm thiểu bụi và rửa bánh xe. Định kỳ 02 lần/tuần thực hiện nạo vét hố lắng.

Quy trình xử lý: Nước thải thi công → Hố lắng → Hố ga → Tái sử dụng để phun ẩm và rửa bánh xe.

4.1.1.2. Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt của 03 Chi cục (bao gồm: Chi cục THADS thành phố Quy Nhơn, Chi cục THADS thị xã Hoài Nhơn, Chi cục THADS huyện Mộ Đức) được xử lý bằng 01 bể tự hoại cải tiến bastaf 05 ngăn để xử lý trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của từng khu vực.

Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại cải tiến Bastaf 05 ngăn → Nguồn tiếp nhận nước thải.

- Nước thải sinh hoạt của 02 Chi cục (Chi cục THADS thị xã An Nhơn, Chi cục THADS thị huyện Tuy An) được xử lý bằng 01 bể tự hoại cải tiến bastaf 05 ngăn để xử lý, sau đó được dẫn về bể gom dung tích 8,8 m³, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại cải tiến Bastaf 05 ngăn → Bể gom dung tích 8,8 m³ → Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

TT	Chi cục Thi hành án	Thể tích bể tự hoại	Nguồn tiếp nhận nước thải
1	Chi cục THADS thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	13,5 m ³	Hệ thống thoát nước đô thị của thành phố Quy Nhơn tại hố ga trên vỉa hè đường Điện Biên Phủ.
2	Chi cục THADS thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định	13,5 m ³	Nước thải sinh hoạt sau xử lý được dẫn về bể gom dung tích 8,8 m ³ ; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.
3	Chi cục THADS thị huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên	13,5 m ³	Nước thải sinh hoạt sau xử lý được dẫn về bể gom dung tích 8,8 m ³ ; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.
4	Chi cục THADS thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	13,5 m ³	Hệ thống thoát nước chung nằm dọc tuyến đường gom (giáp trụ sở về phía Tây Bắc).
5	Chi cục THADS huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	13,5 m ³	Hệ thống thoát nước chung nằm dọc tuyến đường Trần Nam Trung (giáp trụ sở về phía Bắc).

4.1.1.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Tách riêng các hệ thống thu gom, thoát nước mưa và nước thải, không để nước mưa chảy vào hệ thống cống thoát nước thải cũng như không làm thất thoát nước thải ra môi trường đất, nước mặt và vào hệ thống thoát nước mưa.

- Thu gom và xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành Dự án trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của từng khu vực.

4.1.2. Công trình, biện pháp thu gom xử lý bụi, khí thải

4.1.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Tưới ẩm vật liệu xúc bốc.
- Tưới ẩm đường công vụ.
- Trang bị bảo hộ lao động, giảm thiểu các tác động đối với sức khỏe công nhân trên khu vực thi công.
- Sử dụng các loại máy móc, phương tiện thi công dùng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp.
- Tính toán và sử dụng đúng số lượng máy móc thiết bị để hạn chế tối đa khối lượng khí thải phát sinh gây tác động môi trường.
- Đầu tư xây dựng, lắp đặt điểm rửa bánh xe ra vào từng khu vực thi công.
- Thực hiện công tác thu gom, xử lý triệt để khi xảy ra rơi vãi hoặc tràn đổ trong quá trình vận chuyển.

- Trên các công trường xây dựng lắp đặt hàng rào tạm bằng tôn để hạn chế bụi phát tán ra bên ngoài. Đối với các vị trí có xây dựng trụ sở cao tầng bố trí lưới chống bụi trong quá trình xây dựng.

4.1.2.2. Giai đoạn vận hành

- Thực hiện các giải pháp trồng cây xanh và thảm cỏ, tạo cảnh quan cho khu vực Dự án, điều hòa môi trường không khí, đồng thời góp phần bảo vệ môi trường.

- Các thùng đựng chất thải của các khu vực phải có nắp đậy, không để rác tồn đọng quá lâu. Khu vực chứa chất thải phải được quét dọn vệ sinh thường xuyên; sử dụng các chế phẩm khử mùi nếu phát sinh mùi hôi ảnh hưởng đến các khu vực xung quanh.

- Tại cổng ra vào của các Trụ sở, đặt biển xuống xe tắt máy, để giảm thiểu lượng bụi, khí thải của phương tiện xe cơ giới ra vào các Trụ sở.

- Thường xuyên quét dọn khuôn viên các Trụ sở.

4.1.2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Khi tiến hành thi công, khu vực thi công được che chắn bảo vệ bằng hàng rào tôn. Phun nước giảm lượng bụi cuốn theo gió, ít nhất 01 lần vào những buổi (ngày) nắng trong mùa mưa và ít nhất 02 lần vào mùa khô.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, CTNH

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường

4.2.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) phát sinh tại từng công trường xây dựng được thu gom vào 02 thùng rác dung tích 20 lít/thùng có nắp đậy, tập kết tại khu lưu giữ CTRSH tạm thời trên khu vực xây dựng diện tích 05 m²/từng khu vực xây dựng. Hợp đồng với các đơn vị có chức năng tại từng khu vực xây dựng để vận chuyển, xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

- Bùn, đất hữu cơ từ quá trình bóc tầng đất mặt được lưu chứa tại từng công trường và tận dụng 100% vào khu vực quy hoạch trồng cây xanh tại các trụ sở của Dự án.

- Đất dư thừa từ quá trình đào móng của 05 địa điểm thực hiện Dự án sẽ thu gom tận dụng 100% vào mục đích san lấp trong phần diện tích đất từng vị trí Dự án.

- Các loại chất thải rắn xây dựng, thực bì thải bỏ từ quá trình phát quang dọn dẹp mặt bằng được thu gom ngay tại nơi phát sinh sau đó làm việc với chính quyền địa phương tại từng khu vực để thu gom, đổ thải theo đúng quy định. Cụ thể như sau:

+ Trụ sở Chi cục THADS thành phố Quy Nhơn: Vị trí đổ thải tại Khu A3, Bãi Rác Long Mỹ, xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn, Bình Định. Diện tích bãi đổ thải khoảng 32.000 m², thể tích chứa 320.000 m³.

+ Trụ sở Chi cục THADS thị xã An Nhơn: Vị trí đổ thải tại Đầm Cua Gò Lớn, khu vực Cẩm Văn, phường Nhơn Hưng, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. Diện tích bãi đổ thải khoảng 250 m², thể tích chứa khoảng 500 m³.

+ Trụ sở Chi cục THADS huyện Tuy An: Vị trí đổ thải tại Khu Đồng Điền, khu phố Long Bình, thị trấn Chí Thạnh. Diện tích bãi đổ thải khoảng 11,4 ha.

+ Trụ sở Chi cục THADS huyện Mộ Đức: Vị trí đổ thải tại Vùng Gò Lau, thị trấn Mộ Đức, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, số thửa 289, tờ bản đồ số 22. Diện tích bãi đổ thải khoảng 9.441 m².

+ Trụ sở Chi cục THADS thị xã Hoài Nhơn: Vị trí đổ thải tại Bãi chôn lấp rác thải Khu phố Thiết Đính Bắc, phường Bồng Sơn, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định. Diện tích bãi đổ thải khoảng 01 ha.

- Các loại phế thải có thể tái chế (sắt, thép, nhựa, vỏ bao xi măng) được thu gom, tập kết bán cho các đơn vị thu mua phế liệu.

4.2.1.2. Giai đoạn vận hành

Đối với CTRSH, CTCRNTT phát sinh từ quá trình vận hành tại từng Trụ sở Chi cục THADS được thu gom vào 03 thùng rác 60 lít/thùng có nắp đậy kín (đặt tại góc nhà để xe của từng Chi cục THADS). Từng Chi cục THADS sẽ hợp đồng với đơn vị vệ sinh môi trường của từng địa phương để thu gom, vận chuyển và theo đúng quy định.

4.2.1.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thực hiện phân định, phân loại CTRSH, CTCRNTT theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác liên quan.

- Định kỳ chuyển giao CTRSH, CTCRNTT cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý CTNH

4.2.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

Tại từng vị trí thi công xây dựng, bố trí khu lưu giữ tạm thời có mái che, diện tích khoảng 05 m² và 03 thùng chứa CTNH có dung tích khoảng 100 - 250 lít/thùng có biển cảnh báo, dán nhãn, phân loại theo quy định. Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.2.2. Giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại tại từng Chi cục THADS sẽ được thu gom, phân loại và lưu giữ vào 02 thùng chứa riêng biệt dung tích 60 lít/thùng, bên ngoài thùng có dán nhãn mã chất thải nguy hại đúng quy định (đặt tại góc nhà để xe của từng Chi cục). Từng Chi cục THADS sẽ chuyển giao cho đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển và mang đi xử lý theo quy định.

4.2.2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thực hiện phân định, phân loại CTRSH, CTCRNTT, CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác liên quan.

- Định kỳ chuyên giao CTNH cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Chỉ sử dụng các máy móc, thiết bị công trình đạt tiêu chuẩn, đã được đăng kiểm theo quy định; yêu cầu các phương tiện phải tắt máy khi dừng đỗ trong phạm vi Dự án.

- Thi công móng bằng phương pháp ép cọc tĩnh đảm bảo an toàn tuyệt đối cho các công trình lân cận.

- Sắp xếp thời gian làm việc thích hợp theo đúng giờ lao động (không thi công trong khoảng thời gian từ 11h30 đến 13h30 và từ 22h00 đến 06h00).

- Thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị, máy móc, cải tiến quy trình công nghệ theo hướng giảm tiếng ồn.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên từng Chi cục THADS đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh theo quy định của pháp luật.

4.3.2. Giai đoạn vận hành

- Các công trình nhà làm việc được lắp đặt cửa kín, tránh tiếng ồn từ các phương tiện ra vào ảnh hưởng đến hoạt động làm việc của cán bộ nhân viên các Trụ sở Chi cục THADS.

- Phân luồng đường giao thông nội bộ và khu vực đỗ xe hợp lý, cách xa vị trí Trụ sở.

4.3.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn

Nước mưa tại từng Chi cục THADS được thu gom qua hệ thống thu gom nước mưa gồm:

- Thoát nước mái nhà: Bằng ống nhựa PVC D90 - D110.

- Thoát nước mặt: Hệ thống thoát nước được thiết kế bằng các rãnh và cống BTCT có nắp đan dẹt. Chiều rộng rãnh 300 mm, chiều sâu trung bình là 50 mm. Trên rãnh thu gom có bố trí hố ga để lắng đất, cát. Hố ga có kích thước 600×600×800 mm (dài×rộng×sâu), có nắp dẹt bằng bê tông cốt thép (BTCT). Số lượng hố ga dự kiến tại mỗi khu vực xây dựng khoảng 03 hố ga.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp, thoát nước: Không xây dựng các công trình trên đường ống, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống đảm bảo an toàn và đạt độ

bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

- Phòng chống cháy nổ: Ban hành nội quy phòng cháy chữa cháy; trang bị các phương tiện chữa cháy theo quy định; tuân thủ QCVN 06:2022/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

Chủ dự án đề xuất thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như sau:

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1. Giám sát môi trường không khí, tiếng ồn, độ rung

- Vị trí giám sát (05 vị trí):

+ 01 vị trí giáp khu dân cư về phía Nam tại khu vực xây dựng Trụ sở Chi cục THADS thành phố Quy Nhơn.

+ 01 vị trí cách khu dân cư 60m về phía Đông tại khu vực xây dựng Trụ sở Chi cục THADS thị xã An Nhơn.

+ 01 vị trí cách khu dân cư 150m về phía Bắc tại khu vực xây dựng Trụ sở Chi cục THADS huyện Tuy An.

+ 01 vị trí giáp Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn về phía Đông Bắc tại khu vực xây dựng Trụ sở Chi cục THADS thị xã Hoài Nhơn.

+ 01 vị trí giáp Liên đoàn lao động huyện Mộ Đức về phía Đông tại khu vực xây dựng Trụ sở Chi cục THADS huyện Mộ Đức.

- Thông số giám sát: Bụi, CO, SO₂, NO_x, tiếng ồn, độ rung.

- Tần suất giám sát: 01 lần trong cả quá trình thi công xây dựng.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí.

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại các loại CTRSH, CTCRCNTT và CTNH theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).

- Định kỳ chuyển giao CTRSH, CTCRCNTT và CTNH cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

5.2. Giai đoạn vận hành

5.2.1. Giám sát nước thải

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện giám sát nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

5.2.2. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại các loại CTRSH và CTNH theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.
- Định kỳ chuyên giao CTRSH, CTCNTT và CTNH cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, kết quả tính toán, kết quả quan trắc môi trường và danh sách cán bộ thực hiện lập báo cáo ĐTM của Dự án.

- Thực hiện đầy đủ các nội dung của chương trình quản lý, giám sát môi trường theo nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường sau khi được phê duyệt; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

- Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai Dự án; tuân thủ các quy định hiện hành về phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, đảm bảo an toàn giao thông và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro đến môi trường.

- Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho Dự án.

- Chủ động phối hợp với cơ quan chức năng để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án; chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường và phải đền bù những thiệt hại môi trường do Dự án gây ra theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan./.